

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06/5/2022

Về việc: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Biểu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Minh Ngọc

Bà Phan Thị Thanh Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mùi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2022 về: “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1965; có mặt

Bị đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm: 1970; có mặt

Cùng trú tại: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông H trình bày: Tôi và bà L tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1987 đã trên 18 tuổi và Nguyễn Văn A (chết) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cho mượn nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà L trình bày: về thời điểm vợ chồng chung sống và kết hôn tôi đồng ý như ông H đã khai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nay ông H xin ly hôn tôi không đồng ý.

Về con chung: có 02 cháu Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1987 đã trên 18 tuổi và Nguyễn Văn A (chết) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cho mượn nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà L là hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn theo ông H là vợ chồng không còn tình cảm, nay ông H xin ly hôn thì bà L không đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX xét chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà L.

Về con chung: có 02 cháu Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1987 đã trên 18 tuổi và Nguyễn Văn A (chết) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

Nợ chung, cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị L, có địa chỉ nơi cư trú tại: thôn Đa Phú I, xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy yêu cầu tại đơn khởi kiện của bà Thư thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp phải giải quyết là: “Xin ly hôn”.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị L tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng cưới nhau và có đăng ký kết hôn vào năm

2019 tại UBND xã Tam Mỹ Đông, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống thì giữa ông H và bà L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông H là vợ chồng không còn tình cảm nay ông H xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Ngô Thị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: có 02 cháu Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1987 đã trên 18 tuổi và Nguyễn Văn A (chết) nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nợ chung, cho mượn nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về: “*Xin ly*” đôi với bị đơn bà Ngô Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Ngô Thị L.

Về con chung: có 02 cháu Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1987 đã trên 18 tuổi và Nguyễn Văn A (chết) nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ: ông H và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Văn H phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn H đã nộp tại Chi cục thi hành án Núi Thành theo biên lai thu số 0010928 ngày 05/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS h.Núi Thành;
- UBND xã Tam Mỹ Đông;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Biều